Tên: ……..

Lớp: S8…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Week: 13 - GVNN

Từ vựng & Ngữ pháp HW: ……

Đọc HW: ……

UNIT 4: ADVERTISING - VOCABULARY

A. THEORY

I. VOCABULARY - AD ANALYSIS, REACTIONS & IDIOMATIC LANGUAGE

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/for-s8-w13-vocab

No.	Words / Phrases	Meanings	No.	Words / Phrases	Meanings
1	**first impression** (phr)	ấn tượng đầu tiên	8	**create a sensation** (phr)	gây tiếng vang, tạo sự chú ý lớn
2	**optical illusion** (phr)	ảo ảnh thị giác, ảo giác quang học	9	**keep sb's spirits up** (phr)	giúp ai đó giữ tinh thần lạc quan, vui vẻ
3	**work of art** (phr)	tác phẩm nghệ thuật	10	**be in danger of extinction** (phr)	có nguy cơ tuyệt chủng
4	**be meant to be** (phr)	được dự định, được cho là	11	**make fun of sb** (phr)	chế giễu, trêu chọc ai đó
5	**work out what sth means** (phr)	tìm hiểu, suy luận để hiểu ý nghĩa của điều gì	12	**can't believe one's eyes** (idiom)	không thể tin vào mắt mình, vô cùng ngạc nhiên trước điều nhìn thấy
6	**draw somebody in** (phr)	thu hút, lôi cuốn ai đó	13	**pop-up** (adj / n)	xuất hiện bất ngờ, tạm thời; cửa hàng hoặc sự kiện tạm thời.
7	**get it** (phr)	hiểu ra, nắm được ý nghĩa			

II. READING TIPS

Dạng bài	Reading Comprehension – Multiple Choice: cho 4 đáp án (A, B, C, D), đọc bài và chọn đáp án đúng
Cách làm	Xác định câu hỏi về chi tiết, suy luận, cảm xúc hay mục đích, gạch chân từ khóa (Chú ý tên riêng, cảm xúc, nguyên nhân và kết quả.) Tìm bằng chứng, xác định đoạn liên quan, đọc cả câu trước và sau. Nhận diện cách diễn đạt tương đương, loại đáp án gây nhiễu (đáp án sai, thiếu bằng chứng hoặc không trả lời đúng câu hỏi.) Đối chiếu đáp án với bài đọc; câu hỏi ý chính cần xem xét toàn bài.

LIVEWORKSHEETS

B. CLASSWORK

EXTRA VOCABULARY

Con học thuộc các từ dưới đây để làm bài bên dưới và chuẩn bị cho bài kiểm tra buổi sau nhé!

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ mới:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/for-s8-w13-extra-vocab

No.	Words / Phrases	Meanings	No.	Words / Phrases	Meanings
1	**recommend** (v)	đề xuất, giới thiệu	7	**enthusiastic** (adj)	nhiệt tình, hào hứng
2	**be in charge of** (phr)	chịu trách nhiệm, phụ trách	8	**evaluate** (v)	đánh giá
3	**publish** (v)	xuất bản, phát hành	9	**recommendation** (n)	lời đề xuất, kiến nghị
4	**doubt oneself** (phr)	nghi ngờ khả năng bản thân	10	**readership** (n)	lượng độc giả, nhóm độc giả
5	**give sth a try** (phr)	thử làm điều gì	11	**have an impact on** (phr)	có tác động đến
6	**hesitant** (adj)	do dự, ngần ngại			

FCE READING PART 5 (6 questions)

Read the text and questions below. For each question, circle the correct letter A, B, C or D.

Becoming a magazine editor

15-year-old Sara talks about being in charge of her school magazine.

Six months ago, when Sara's English teacher recommended her to become the new editor of the school magazine, she knew the teacher thought she could do it but she wasn't sure she was right for the job. "A few of my articles had already been published," she says, "so I could write quite well." However, leading the team and making the final decisions about whose articles appeared in the magazine? That was something different. But, as she explains, "whenever something makes me doubt myself, I just tell myself to be strong and give it a try".

Everyone already involved with the magazine seemed delighted when Sara became the boss, and she immediately realised what great people she was working with. "Some of them offered their free time to show me the software used to design the magazine, which I was happy about," says Sara. In her third week, she told them she was planning to include a page for reviews of local cafes and restaurants. "They all loved the idea – and so did our readers. Soon, it seemed like everyone in school wanted to write a review!"

After this early success, Sara wondered how to make the magazine even more interesting. "The research I did was so useful," she says. "I ordered magazines from the schools in our district that also produced one, and sat down to consider what worked well – and what hadn't – in each case." Afterwards, she emailed her conclusions to her team, who helped her make the changes she'd suggested. And these changes have certainly worked. A recent questionnaire showed that more students read the school magazine than ever before.

Since becoming editor, Sara hasn't always been able to find enough time for her magazine duties, especially since she's aiming to get top grades in all her subjects. "But if our readers enjoy what our fantastic, creative writers do, I'm happy. It's wonderful when someone messages to tell us that an article has changed their life in some way. That happens far more than I'd expected." She is more certain than ever that, despite what many people believe, teenagers don't want to read everything on screens. Magazines are still important.

LIVEWORKSHEETS

37. What do we learn about Sara in the first paragraph?
A. She was keen to accept a challenge.
B. She was excited about writing more articles.
C. She was grateful for her teacher's support.
D. She was confident in her own abilities.

38. What did Sara decide to do soon after becoming editor?
A. encourage more students to write for the magazine.
B. introduce a new section to the magazine.
C. build better relationships with her team.
D. improve her team's understanding of technology.

39. To find ways to improve the magazine further, Sara
A. read research articles.
B. asked her team for advice.
C. produced a student questionnaire.
D. studied other schools' magazines.

40. What has surprised Sara since becoming editor?
A. The attitude young people have towards magazines.
B. The effort required to produce a magazine.
C. The effect that a magazine can have on people.
D. The talent of people who write for magazines.

41. What is the writer doing in this article?
A. describing someone's experience of being a school magazine editor.
B. giving information on how to become a school magazine editor.
C. explaining someone's reasons for becoming a school magazine editor.
D. suggesting the career benefits of being a school magazine editor.

42. What would one of Sara's team say at the end of the school year?
A. Asking readers to suggest topics for articles was a great idea of Sara's – it made our magazine even better.
B. We had a wonderful time with Sara as editor. Thank goodness we were able to persuade her to apply for the job.
C. Sara perhaps cared too much about what our readers thought. Trying to produce the perfect magazine sometimes affected her schoolwork.
D. Sara was a great editor and was always interested in our opinions and ideas. Although hers were usually the best!

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (15 questions)

I. Con cần học thuộc nghĩa của tất cả các từ trong bảng từ vựng I. VOCABULARY (trang 1) và vở ghi (nếu có), đồng thời luyện phát âm theo file nghe nhé!

Với những từ dưới đây, con hãy chép vào vở, mỗi từ một dòng để ghi nhớ cách viết: first impression, optical illusion, work of art, be meant to be, work out what sth means, draw sb in, create a sensation, keep sb's spirits up, be in danger of extinction, make fun of sb, can't believe one's eyes, pop-up.

LIVEWORKSHEETS

II. Read each sentence. Find a phrase or a word in the Vocabulary list (page 1) that has the same meaning as the bold part.

1. My **initial opinion** of the new teacher was that she was very kind.
2. The circles in this picture seem to move, although the page is still. This is a **visual trick** that fools your eyes.
3. This painting by a famous artist is a **beautiful creation**.
4. This small room **is intended to be** a quiet place for studying.
5. We read the poem twice to **figure out the meaning of** the last line.

Answer:

1._____
2. _____
3._____
4. _____
5. _____

III. Complete the sentences. Use the phrases in the box. Change the form if you need to.

draw sb in	**get**	**create a sensation**
keep sb's spirits up	**be in danger of extinction**	

1. The opening scene of the film _____the audience_____ so quickly that nobody looked at their phones.
2. I didn't _____ the joke at first, but everyone else was laughing.
3. The young singer _____ when she performed on TV last night.
4. Friends visited the sick boy every day to _____ his _____.
5. Because of hunting, many large cats _____ right now.

IV. Rewrite the sentences. Use the words in brackets and a reflexive pronoun (myself, himself, themselves...). Do not change the meaning.

1. Ben joked about his own bad singing at the party. (make fun of)

→ _____

2. The mayor came to the exhibition in person, and we were amazed. (himself / couldn't believe)

→ _____

3. You can close the pop-up window without anybody's help. (yourself)

→ _____

4. The twins said their names to the new teacher because they wanted to make a good first impression. (themselves)

→ _____

5. Nobody moves the picture. It seems to move, but it is only an optical illusion. (by itself)

→ _____

LIVEWORKSHEETS

EXTRA VOCABULARY

Con học thuộc các từ dưới đây để làm bài bên dưới và chuẩn bị cho bài kiểm tra buổi sau nhé!

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ mới:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/for-s8-w13-extra-vocab

No.	Words / Phrases	Meanings	No.	Words / Phrases	Meanings
1	**recommend** (v)	đề xuất, giới thiệu	7	**enthusiastic** (adj)	nhiệt tình, hào hứng
2	**be in charge of** (phr)	chịu trách nhiệm, phụ trách	8	**evaluate** (v)	đánh giá
3	**publish** (v)	làm phiền, khiến ai khó chịu	9	**recommendation** (n)	lời đề xuất, kiến nghị
4	**doubt oneself** (phr)	nghi ngờ khả năng bản thân	10	**readership** (n)	lượng độc giả, nhóm độc giả
5	**give sth a try** (phr)	thử làm điều gì	11	**have an impact on** (phr)	có tác động đến
6	**hesitant** (adj)	do dự, ngần ngại			

READING PRACTICE (10 questions)

Read the FCE Reading Part 5 (page 2) again. Complete the summary with the words from the box. Use each word only once. There are no extra words.

enthusiastic	**responsibility**	**impact**	**evaluated**	**hesitant**
introduced	**recommendations**	**balance**	**supportive**	**readership**

Sara's Experience as a Magazine Editor

When Sara's teacher suggested that she should become the editor of the school magazine, she felt **(1)** _____ because she was unsure whether she had the necessary skills. Although she was already a good writer, taking on the **(2)** _____ of managing a team was a new challenge.

Fortunately, her teammates were very **(3)** _____ and helped her learn how to use the magazine's design software. Soon, Sara **(4)** _____ a new section where students could review local cafés and restaurants. Both the team and the readers were **(5)** _____ about this idea.

To improve the magazine further, Sara carefully **(6)** _____ publications from other schools in her area. She then shared her **(7)** _____ with her team, who helped put her ideas into practice. As a result, the magazine attracted more readers, and a survey confirmed an increase in its **(8)** _____.

However, Sara sometimes found it difficult to **(9)** _____ her editorial duties with her schoolwork. Despite this challenge, she felt proud of the magazine's positive **(10)** _____ on its readers, especially when articles made a meaningful difference in their lives.

LIVEWORKSHEETS